TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/DS-ST
Ngày: 20/8/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Tác.

2. Ông Triệu Văn Thiết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp " Hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1970 - Có mặt.

Trú tại: Tổ H, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1975 - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Vũ Thị T trong đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Bà Vũ Thị T có mối quan hệ quen biết, tin tưởng bà Trần Thị L nên bà T đã cho bà L vay nhiều lần tiền với tổng số là: 680.000.000,đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng). Các lần vay hai bên có viết hợp đồng vay, có chứ ký ghi đầy đủ họ và tên trên

hợp đồng vay tiền được thể qua ngày vay như sau:

- Ngày 02/12/2018 số tiền vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thời hạn vay là một tháng, không tính lãi.

- Ngày 01/01/2017 (tức ngày 4/12 âm) số tiền vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không tính thời hạn trả, không tính lãi.

- Ngày 11/8/2017 số tiền vay 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), không tính thời hạn trả, không tính lãi.

- Ngày 30/8/2018 số tiền vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay (là bốn tháng), trả vào ngày 30/12/2018 trả gốc và lãi.

- Ngày 16/5/2019 số tiền vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thời hạn trả ngày 26/5/2019. Lãi do hai bên thỏa thuận (tất cả các lần vay đều không có tài sản thế chấp).

Khi vay, bà L có nói với bà T là do thiếu vốn mở hiệu cầm đồ. Hai bên đã thỏa thuận là nếu bà T cần tiền thì bà T báo trước với bà L một tuần thì bà L sẽ hoàn trả đầy đủ tiền đã vay. Đến ngày 26/5/2019, bà T cần tiền nên đã đòi bà L nhiều lần nhưng cho đến nay bà L vẫn chưa trả được tiền cho bà T. Vì vậy, bà T yêu cầu bà L phải trả cho bà T tổng số tiền đã vay là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng). bà T không yêu cầu bà L phải trả đối với khoản tiền lãi vay nào. Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn bà Trần Thị L trong bản tự khai, trong quá trình tố tụng trình bày:

Sự việc xảy ra tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền mặt Việt Nam đồng như bà T đã trình bày là đúng. Do bà Trần Thị L thiếu vốn mở hiệu cầm đồ nên bà L đã nhiều lần vay tiền bà T với tổng số tiền là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng). Các lần vay có viết hợp đồng vay, có chữ ký ghi đầy đủ họ và tên của người cho vay và người được vay được thể hiện các ngày vay như sau:

- Ngày 01/01/2017 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không tính thời hạn trả, không tính lãi.

- Ngày 11/8/2017 vay số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), không tính thời hạn trả, không tính lãi.

- Ngày 30/8/2018 vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn cho vay là bốn tháng (đến ngày 30/12/2018) trả đủ cả gốc lẫn lãi.

- Ngày 02/12/2018 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thời hạn vay là một tháng, không tính lãi.

- Ngày 16/5/2019 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thời hạn trả ngày 26/5/2019, lãi do hai bên thỏa thuận.

Bà Trần Thị L thừa nhận tổng số các lần vay tiền của bà Vũ Thị T là: 680.000.000,đ (Sáu trăm tám mươi triệu đồng) khi vay không có tài sản thế chấp cho bà Vũ Thị T. Tuy nhiên, bà L trình bày tổng số tiền đã vay của bà L trong đó có 480.000.000,đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) lãi suất 3000,đ/ 01(một) triệu /01(một) ngày và có 200.000.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) lãi suất 5000,đ/01(một)

triệu/01(một) ngày. Trong suốt thời đó bà L đã trả lãi hàng tháng cho bà T đến tháng 8 năm 2019 số gốc còn lại bà L chưa trả bà T bà L xin khất được trả dần. Ngoài ra bà L không trình bày ý kiến nào khác.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 16/01/2020 hai bên đã thống nhất được với nhau là bà L có trách nhiệm trả số tiền vay nợ gốc. 680.000.000,đ (Sáu trăm tám mươi triệu đồng). Nhưng do hai bên chưa thống nhất được với nhau về phương thức trả nợ. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai vào ngày 29/5/2020 nhưng do bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến của bà Vũ Thị T tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc đã vay là 680.000.000,đ (Sáu trăm tám mươi triệu đồng). Ngoài ra bà T không có yêu cầu nào khác đối với bà L.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và hướng giải quyết đối với vụ án:

Về ý kiến việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đầy đủ. Bị đơn không chấp hành pháp luật đầy đủ. Về thời hạn giải quyết vụ án được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị T yêu cầu bà Trần Thị L bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là: 680.000.000,đ (Sáu trăm tám mươi triệu đồng). Tiền lãi bà T không yêu cầu nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo tiến hành mở phiên hòa giải lần hai nhưng bà L không có mặt tại phiên hòa giải lần hai. Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng hợp

lệ, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Trần Thị L đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên, ngày 15/8/2020 bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử vắng mặt bà Trần Thị L là phù hợp với Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa việc vắng mặt bị đơn bà Trần Thị L. Nguyên đơn bà Vũ Thị T, kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Đánh giá về hình thức, nội dung của các hợp đồng vay tiền:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Về hình thức, nội dung các hợp đồng vay tiền ngày 02/12/2018; ngày 01/01/2017 (tức ngày 4/12 âm); ngày 11/8/2017; ngày 30/8/2018; ngày 16/5/2019 các hợp đồng nêu trên đều có đầy đủ chữ ký ghi rõ họ tên của hai bên, khi vay hai bên tự nguyện thỏa thuận với nhau không có bên nào ép buộc bên nào được coi là phù hợp Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Đối với nguyên đơn bà Vũ Thị T: Khi vay tiền bà L nói với bà T là do bà L thiếu vốn mở hiệu cầm đồ. Hai bên đã thỏa thuận là nếu bà T cần tiền thì bà T báo trước với bà L một tuần thì bà L sẽ hoàn trả đầy đủ tiền nên bà T đã tin tưởng cho bà L vay không có tài có tài sản thế chấp lãi do hai bên thỏa thuận, Việc bà Lợi trình bày mức lãi 5000,đ; 3000,đ trên 1triệu/ngày và đã trả mức lãi này cho bà T đến tháng 8 năm 2019 là không đúng, bà T thừa nhận lãi do hai bên thỏa thuận và chỉ được nhận khoản tiền lãi với bà L hai tháng với số tiền 4.500.000,đ. Từ ngày 26/5/2019, bà T cần tiền nên đã đòi bà L nhiều lần trả số tiền vay gốc nhưng cho đến nay bà L vẫn chưa trả được tiền cho bà T. Vì vậy, bà T yêu cầu bà L phải trả cho bà T tổng số tiền nợ gốc đã vay là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng) là phù hợp cần được chấp nhận. bà T không yêu cầu bà L phải trả khoản tiền lãi nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với bị đơn bà Trần Thị L: Sự việc sẩy ra tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tiền mặt Việt Nam đồng như bà T đã trình bày là đúng. Do bà Trần Thị L thiếu vốn mở hiệu cầm đồ nên bà L đã nhiều lần vay tiền bà T với tổng số tiền là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng). Bà L nhất trí trả nợ dần cho bà T.

[6] Đối với khoản tiền lãi: Bà Vũ Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị đơn Trần Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Vũ Thị T số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị L.

Buộc bà Trần Thị L, sinh năm 1975địa chỉ trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền nợ gốc đã vay là; 680.000.000,đ (Sáu trăm tám mươi triệu đồng) cho bà Vũ Thị T, sinh năm 1970, địa chỉ trú tại: Tổ H, thị trấn B, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Việc thi hành án đối với bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH16 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị L phải chịu 31.200.000,đ (Ba mươi mốt triệu hai trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Vũ Thị T là: 15.600.000,đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo biên lai số: 06181ngày14 tháng 01 năm 2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Cạn